

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018
(Ban hành kèm theo nghị định số 81/2015/NĐ-CP
Ngày 18/9/2015 của chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV
CAO SU CHƯ SÊ
MST 5900190497

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 446/BC-CSCS

Gia Lai, ngày 14 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018
đã được Hội đồng thành viên phê duyệt tại
Quyết định số: 121/QĐ-HĐTVCSGS ngày 12/6/2018

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất		
a	Sản lượng cao su tự khai thác	Tấn	3.553
b	Sản lượng cao su thu mua	Tấn	
c	Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	3.539
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	178,91
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	48,05
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	39,88
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	10,54
6	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	1.624,78
7	Thực hiện đầu tư phát triển	Tỷ đồng	188,21
a	- Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	171,64
b	- Vốn vay	Tỷ đồng	16,57
c	- Vốn khác	Tỷ đồng	
8	Tổng lao động BQ	Người	1.737
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	78,77
a	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	2,10
b	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	76,67

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất		
a	<i>Sản lượng cao su tự khai thác</i>	Tấn	3.000
b	<i>Sản lượng cao su thu mua</i>	Tấn	
c	<i>Sản lượng cao su tiêu thụ</i>	Tấn	3.000
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	158,75
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	38,62
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	33,29
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	13,89
6	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	1.449,78
7	Thực hiện đầu tư phát triển	Tỷ đồng	228,69
a	- <i>Nguồn vốn chủ sở hữu</i>	Tỷ đồng	207,44
b	- <i>Vốn vay</i>	Tỷ đồng	19,85
c	- <i>Vốn khác</i>	Tỷ đồng	1,4
8	Tổng lao động BQ	Người	1.424
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	67,20
a	- <i>Quỹ lương quản lý</i>	Tỷ đồng	1,70
b	- <i>Quỹ lương lao động</i>	Tỷ đồng	65,50

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính:

Thực hiện toàn diện và đồng bộ các giải pháp: Xây dựng kế hoạch kinh tế - kỹ thuật - tài chính sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty; hạn chế, tiết giảm các chi phí sản xuất và đầu tư;

Tích cực và chủ động liên hệ với các ngân hàng và tổ chức tín dụng để vay vốn với lãi suất ưu đãi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), cũng như các dự án mà đơn vị đang thực hiện;

Thực hiện thoái vốn các dự án đầu tư ngoài ngành theo chủ trương của Tập đoàn và Nhà nước, nhằm thu hồi vốn nhanh. Tập trung đầu tư vào ngành sản xuất chính, thực hiện tốt quản lý nguồn vốn đầu tư đạt hiệu quả.

2. Giải pháp về sản xuất:

Thực hiện quản lý chặt chẽ quy trình kỹ thuật khai thác mủ cao su, phân đầu khai thác đạt và vượt kế hoạch sản lượng Tập đoàn giao;

Thực hiện chăm sóc vườn cây cao su kinh doanh, vườn cây KTCB và diện tích vườn cây tái canh năm 2018 đúng Quy trình kỹ thuật của Tập đoàn;

Tổ chức tốt việc hợp tác liên kết trồng xen các loại cây trồng phù hợp tại các Nông trường có vườn cây cao su tái canh, nhằm góp phần giảm chi phí suất đầu tư nông nghiệp, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động;

Tiếp tục thực hiện sản xuất sạch hơn trong khai thác, thu hoạch, chế biến mủ cao su nhằm nâng cao chất lượng thành phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng;

Tập trung chế biến các chủng loại sản phẩm cao su có chất lượng tốt, giá bán cao, đáp ứng theo nhu cầu của thị trường; trong khâu sản xuất tích cực cải tiến công tác quản lý thực hiện theo hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 và ứng dụng khoa học công nghệ mới góp phần hạ giá thành sản phẩm.

3. Giải pháp về thị trường:

Thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường để đưa ra quyết định sản xuất chủng loại sản phẩm hợp lý đáp ứng nhu cầu của khách hàng;

Duy trì khách hàng truyền thống, xây dựng Website, quảng bá và phát triển thương hiệu sản phẩm, tham gia các đợt hội thảo, tập huấn do Tập đoàn, Hiệp hội, Sở Ban ngành của tỉnh... tổ chức để giới thiệu sản phẩm mủ cao su của Công ty nhằm mở rộng thị trường trong và ngoài nước;

Trong công tác tiêu thụ sản phẩm mủ cao su, phấn đấu sản lượng xuất khẩu đạt tỷ lệ trên 30% tổng sản lượng tiêu thụ năm.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực:

Năm 2018, tiếp tục là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị gặp khó khăn như: giá mủ thấp, diện tích vườn cây cao su kinh doanh giảm mạnh do vườn cây khai thác đang trong thời kỳ thanh lý, năng suất vườn cây thấp. Tại các vườn cây Công ty bố trí hợp lý giữa chế độ cạo D3 và D4 để giảm bớt lao động và các chế độ kèm theo nhằm hạ giá thành sản phẩm, ổn định sản xuất. Thực hiện sắp xếp lại nguồn lao động hợp lý nhằm tăng năng suất, hiệu quả lao động.

Ngoài ra đối với lực lượng gián tiếp và phục vụ sản xuất, Công ty tiếp tục xây dựng kế hoạch tập huấn các khóa đào tạo ngắn hạn, để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; cũng như cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật liên quan để công việc chuyên môn được diễn ra chính xác và tuân thủ đúng pháp luật, phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty được diễn ra thuận lợi và đạt được hiệu quả cao.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật:

Áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác chăm sóc và khai thác vườn cây, tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật Tập đoàn; nhằm nâng cao năng suất, sản lượng phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2018;

Tiếp tục hoàn thiện, cải tiến quy trình chế biến từ tổ chức quản lý đến sản xuất để duy trì sự ổn định của sản phẩm, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và ISO/IEC 17025:2005 nhằm tạo uy tín với khách hàng trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả kinh doanh;

Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành nhằm tiết giảm thời gian cho cán bộ quản lý và người lao động. Thông báo các thông tin cần thiết trên website của Công ty để các đơn vị cơ sở truy cập và nắm bắt thông tin kịp thời góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong điều hành sản xuất kinh doanh.

6. Giải pháp về quản lý và điều hành:

Bố trí sắp xếp bộ máy tham mưu giúp việc từ các Phòng chuyên môn đến cấp cơ sở theo hướng tinh gọn, hợp lý, tạo điều kiện cho Lãnh đạo Công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị đạt hiệu quả.

Trong quản lý và điều hành: Xây dựng và thực hiện các Quy chế quản lý nội bộ điều hành hoạt động sản xuất như Quy chế quản lý bán hàng, Quy chế quản lý nợ, Quy chế làm lương trả lương, Quy định về lựa chọn nhà thầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên, Quy chế nâng bậc lương, Quy chế đánh giá cán bộ, Quy chế bổ nhiệm luân chuyển, Quy chế đối thoại cơ sở. Xây dựng hệ thống báo cáo phù hợp, đảm bảo cung cấp số liệu chính xác kịp thời cho Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc nắm bắt, điều hành sát với tình hình thực tế.



Đặng Đức Tri